

Bản án số: 65/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2017
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Hùng Cường
bà Ngô Thị Lũng

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thành Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phạm Tuyết N - sinh năm 1989
Nơi ĐKNKTT: thôn T - xã DL - huyện DK - Khánh Hòa.
Chỗ ở hiện nay: thôn T - xã C - huyện CL - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* anh Trần Thanh Đ - sinh năm 1982
Trú tại: thôn T - xã DL - huyện DK - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C.
Địa chỉ: 169 phố Linh Đường - phường H - quận H - Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Thanh L - sinh năm 1978 - Phó giám đốc Ngân hàng C Phòng giao dịch huyện DK làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2017); Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/6 /2017, bản tự khai ngày 19/6/2017, nguyên đơn chị Phạm Tuyết N trình bày: năm 2007, chị và anh Trần Thanh Đ tự nguyện

yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C - huyện CL - Khánh Hòa. Quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mẹ chồng và chị chồng vu oan cho chị lấy trai, chồng nghe lời mẹ mà không tin tưởng chị. Do đó vợ chồng cãi vã, anh Đ đánh chị nên chị đã dắt theo con nhỏ là cháu Ngọc đi ra ngoài sinh sống. Cách đây khoảng nửa tháng anh Đ đã tự ý đưa cháu Ngọc về nuôi mà không hỏi ý kiến của chị. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Đ nên chị xin được ly hôn với anh Đ. Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Trần Thanh H - sinh ngày 26/11/2007, Trần Quốc V - sinh ngày 10/4/2009 và Trần Quỳnh Bảo N - sinh ngày 29/11/2012. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Quốc V và Trần Quỳnh Bảo N. Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thanh H. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: nợ của Ngân hàng C 11.000.000đ. Đồng ý cùng với anh Đ trả khoản nợ này.

Bản tự khai ngày 19/6/2017, bị đơn anh Trần Thanh Đ trình bày: anh và chị N kết hôn năm 2007. Cuộc sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn, dạo sau này vợ chồng kinh cãi, anh có đánh chị N 01 lần. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu ly hôn, anh có nguyện được nuôi 03 con chung Trần Thanh H - sinh ngày 26/11/2007, Trần Quốc V - sinh ngày 10/4/2009 và Trần Quỳnh Bảo N - sinh ngày 29/11/2012, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: nợ Ngân hàng C 11.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C: ngày 18/5/2015, hộ gia đình anh Đ, chị N có vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 12.000.000đ, lãi suất 0,8%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là 21/4/2020. Đến nay, anh Đ, chị N xin ly hôn, Ngân hàng C yêu cầu anh Đ, chị N thanh toán số tiền nợ còn lại tính đến ngày 10/7/2017 là 11.055.733đ (gốc 11.000.000đ, lãi là 55.733đ).

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Đ; Về con chung: chị đồng ý giao 03 con chung Trần Thanh H, Trần Quốc V và Trần Quỳnh Bảo N cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ cho Ngân hàng C. Bị đơn anh Đ không đồng ý ly hôn; Nếu ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Ngân hàng C theo phương thức trả hàng tháng như từ trước đến nay. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C: xác nhận anh Đ, chị N còn nợ của Ngân hàng số tiền 11.055.733đ tính đến ngày 10/7/2017. Ngân hàng yêu cầu anh Đ, chị N thanh toán khoản nợ trên và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 11/7/2017 cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Quan hệ hôn nhân: Chị N, anh Đ tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung và được Ủy ban nhân dân xã C - huyện CL - Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 29/10/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh Đ không tin tưởng chị, gia đình chồng cho rằng chị có người đàn ông khác nhưng anh Đ đã không bệnh vực chị nên chị bức xúc, vợ chồng kinh cãi, anh Đ đánh chị và chị đã bỏ nhà đi. Anh Đ thừa nhận vợ chồng kinh cãi, anh có đánh vợ nhưng anh vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Hôn nhân xuất phát từ tình yêu thương tự nguyện, tiến bộ, không bạo lực gia đình. Tuy nhiên, tại các buổi làm việc tại Tòa và tại phiên tòa hôm nay, chị N trước sau đều xác định không còn tình cảm với anh Đ, mặc dù anh Đ đã cố gắng níu kéo nhưng tình cảm chị dành cho anh Đ không còn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Con chung: Chị N, anh Đ thống nhất giao 03 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: chị N, anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị N, anh Đ, Ngân hàng C xác định số nợ tính đến ngày 10/7/2017 là 11.055.733đ. Chị N, anh Đ phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng C, cụ thể, mỗi người trả ½ số nợ trên và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 11/7/2017 cho đến khi trả hết nợ theo sổ vay vốn số 7065012654 ngày 18/5/2015.

Về án phí: chị N nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 94 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ.

Con chung: Giao 03 con chung Trần Thanh H - sinh ngày 26/11/2007, Trần Quốc V - sinh ngày 10/4/2009 và Trần Quỳnh Bảo N - sinh ngày 29/11/2012 cho

anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Anh Đ không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị N, anh Đ đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị N trả cho Ngân hàng C 5.527.866đ (*Năm triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng*) và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 11/7/2017 cho đến khi trả hết nợ theo sổ vay vốn số 7065012654 ngày 18/5/2015. Anh Đ trả cho Ngân hàng C 5.527.866đ (*Năm triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng*) và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 11/7/2017 cho đến khi trả hết nợ theo sổ vay vốn số 7065012654 ngày 18/5/2015.

Quy định chung: *Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

2. **Về án phí:** chị Phạm Tuyết N nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0018157 ngày 13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa; chị N còn phải tiếp tục nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Thanh Đ nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Các đương sự;
- UBND xã C - huyện CL (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

